HIỆP ĐỊNH
GIỮA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CỘNG HÒA BALAN
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hòa Balan (sau đây gọi là " Các Bên ký kết");

Mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế vì lợi ích của cả hai nước;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những đầu tư của nhà đầu tư của Nhà nước này trên lãnh thổ của Nhà nước kia ; và

Nhận thấy sự khuyến khích và bảo hộ đầu tư phù hợp với Hiệp định này sẽ thúc đẩy những sáng kiến kinh doanh trong lĩnh vực này;

Đã thoả thuận như sau :

ĐIỀU 1
ĐỊNH NGHIÃ

Theo tinh thần của Hiệp định này :

1.Thuật ngữ "đầu tư " sẽ bao gồm mọi loại tài sản đã được đầu tư liên quan tới hoạt động kinh tế của nhà đầu tư của một Bên ký kết tại lãnh thổ Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và qui định cuả bên đó và sẽ bao gồm, đặc biệt nhưng không chỉ là :

a) Động sản và bất động sản cũng như bất kỳ quyền sở hữu nào khác như thế chấp, cầm cố, cầm giữ và những quyền tương tự khác ;

b) Những cổ phần, cổ phiếu, trái khoán của công ty hoặc bất kỳ hình thức tham gia khác trong công ty ;

c) Chứng từ dòi tiền hoặc bất kỳ sự thực hiện nào có giá trị kinh tế gắn với đầu tư ;

d) Những quyền về sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền bản quyền, nhãn hiệu thương mại, bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, qui trình công nghệ, bí quyết kỹ thuật (know -how), bí mật thương mại, tên thương mại và đặc quyền kế nghiệp gắn với việc đầu tư ;

(e) Bất kỳ quyền nào theo pháp luật hoặc theo hợp đồng và theo bất kỳ giấy phép và sự cho phép nào phù hợp với pháp luật, bao gồm tô nhượng về thăm dò, tìm kiếm, nuôi trồng hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bất kỳ sự thay đổi về hình thức đầu tư đối với tài sản đã đầu tư sẽ không ảnh

hưởng tới tính chất của chúng trong việc đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" có nghĩa là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

(a) Thuật ngữ "thể nhân "có nghĩa là người có quốc tịch của mỗi Bên ký kết phù hợp với pháp luật nước đó ;

(b) Thuật ngữ "pháp nhân" có nghĩa là liên quan tới mỗi Bên ký kết là bất kỳ thực thể nào được hợp nhất hoặc thành lập và được công nhận như là pháp nhân phù hợp với luật pháp của bên đó.

(3) Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là những khoản thu từ đầu tư và đặc biệt, nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lãi tiền cho vay, khoản giá trị gia tăng từ vốn, cổ phần, lãi cổ phần, tiền bản quyền hoặc phí.

ĐIỀU 2
XÚC TIẾN VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

(1) Phù hợp với pháp luật và qui định của mình, mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho những nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành những đầu tư trên lãnh thổ của mình và sẽ thừa nhận những đầu tư như vậy.

(2) Những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử công bằng, thỏa đáng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong suốt thời gian đầu tư.

ĐIỀU 3
ĐỐI XỬ TỐI HUỆ QUỐC

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ đối xử đối với đầu tư và thu nhập của nhà đầu tư Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình thật công bằng và thỏa đáng và không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà dành cho những đầu tư và thu nhập của nhà đầu tư bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Mỗi Bên ký kết sẽ đối xử đối với nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình công bằng và thỏa đáng và không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào liên quan tới việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc thanh lý những đầu tư của họ.

(3) Những qui định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không bao hàm nghĩa vụ của một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia bất kỳ ưu đãi, đặc quyền nào mà do Bên ký kết này tham gia :

(a) Bất kỳ liên minh thuế quan hoặc khu tự do thương mại, một liên minh tiền tệ hoặc những hiệp định quốc tế tương tự khác dẫn tới những liên minh hoặc hợp nhất đó hoặc những hình thức khác của sự hợp tác khu vực mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ là thành viên

(b) Bất kỳ những hiệp định hoặc thoả thuận nào liên quan tới toàn bộ hoặc chủ yếu về thuế.

ĐIỀU 4
ĐỀN BÙ THIỆT HẠI

(1) Khi những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết bị tổn thất do chiến tranh ,xung đột vũ trang,tình trạng khẩn cấp toàn quốc, khởi nghĩa, nổi dậy, nổi loạn hoặc những trường hợp tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia thì sẽ được Bên ký kết đó khôi phục, đền bù, bồi thường hoặc bằng cách giải quyết khác mà không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Ngoài những thiệt hại nêu tại khoản (1) Điều này, những nhà đầu tư của một Bên ký kết, người mà trong bất kỳ trường hợp nào nêu tại Khoản (1) Điều này chịu những thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do :

(a) Tài sản của họ bị trưng thu bởi lực lượng vũ trang hoặc những cơ quan có thẩm quyền ;

(b) Tài sản của họ bị phá hủy bởi lực lượng vũ trang hoặc những cơ quan có thẩm quyền mà không phải do hành động vũ trang hoặc không phải do sự cần thiết của tình thế

sẽ được đền bù công bằng và thoả đáng cho những thiệt hại trong thời gian diễn ra việc trưng thu hoặc hậu quả của việc phá hủy tài sản. Kết quả thanh toán sẽ được chuyển không chậm trễ bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

ĐIỀU 5
TƯỚC ĐOẠT QUYỀN SỞ HỮU

(1) Những đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hoá, trưng dụng hoặc những biện pháp tương tự như quốc hữu hoá hoặc trưng dụng (sau đây gọi là "tước đoạt") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trừ khi vì mục đích công cộng. Sự tước đoạt sẽ được tiến hành theo đúng thủ tục của pháp luật trên cơ sở không phân biệt đối xử và sẽ đi kèm những điều khoản về thanh toán đền bù nhanh chóng, tương đương và có hiệu quả. Sự đền bù đó sẽ theo giá thị

trường ngay trước khi tước đoạt hoặc khi việc trưng dụng sắp được phổ biến rộng rãi, sẽ bao gồm cả lãi suất kể từ ngày tước đoạt, sẽ được tiến hành không chậm chễ, có hiệu quả và được tự do chuyển bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

(2) Nhà đầu tư trên đây sẽ có quyền yêu cầu cơ quan pháp lý hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên ký kết đó xem xét nhanh chóng nhưng trường hợp của họ hoặc về giá trị đầu tư cho phù hợp với những nguyên tắc đặt ra tại Điều này.

(3) Những qui định tại khoản (1) Điều này cũng sẽ áp dụng khi một Bên ký kết tước đoạt tài sản của công ty được thành lập hoặc sát nhập theo pháp luật hiện hành tại lãnh thổ của mình mà trong đó có cổ phần của nhà đầu tư Bên ký kết kia.

ĐIỀU 6
CHUYỂN TIỀN

(1) Các Bên ký kết sẽ bảo đảm việc chuyển những khoản thanh toán liên quan đến đầu tư và thu nhập. Việc chuyển tiền được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, mà không có sự hạn chế và chậm chễ nào. Việc chuyển tiền đó bao gồm đặc biệt, nhưng không chỉ là :

(a) Vốn và những khoản bổ sung vốn nhằm duy trì hoặc tăng vốn đầu tư ;

(b) Lợi nhuận, lãi cho vay, lãi cổ phần và những thu nhập thường xuyên khác ;

(c) Khoản để trả tiền vay ;

(d) Tiền bản quyền hoặc các khoản phí ;

(e) Thu nhập từ tiền bán hoặc thanh lý đầu tư ;

(f) Những thu nhập của thể nhân phù hợp với luật và các qui định của Bên ký kết, nơi mà đầu tư được tiến hành.

(2) Theo tinh thần của Hiệp định này thì tỷ giá chuyển đổi sẽ là tỷ giá chính thức đối với các hoạt động giao dịch vào ngày chuyển tiền, trừ khi có thoả thuận khác.

ĐIỀU 7
THẾ QUYỀN

(1) Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được ủy quyền thanh toán cho nhà đầu tư của mình theo một bảo đảm đã được chấp thuận liên quan tới đầu tư trên

lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận :

(a) Sự chuyển bất kỳ quyền hoặc khiếu nại nào của nhà đầu tư cho Bên ký kết của mình hoặc cơ quan được ủy quyền theo pháp luật hoặc phù hợp với hoạt động giao dịch hợp pháp tại nước đó.

(b) Bên ký kết của nhà đầu tư hoặc cơ quan được ủy quyền được thế quyền để thực hiện những quyền và khiếu nại của nhà đầu tư đó đồng thời cũng thực hiện những nghĩa vụ liên quan tới đầu tư.

(2) Quyền thế quyền hoặc khiếu nại sẽ không vượt quá quyền hoặc khiếu nại ban đầu của nhà đầu tư.

ĐIỀU 8
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

(1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên tranh chấp.

(2) Nếu bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu-tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia mà không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng sáu tháng thì nhà đầu tư có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra :

(a) Hoặc tòa án của nước mà đầu tư đó đang thực hiện ;

(b) Hoặc trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư (ICSID) mà được áp dụng theo các qui định của Công ước giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa Nhà nước và Công dân của Nhà nước kia được mở ra để ký tại Washington D.C.ngày 18 tháng 3 năm 1965 trong trường hợp cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước ; hoặc

(c) Một trọng tài hoặc tòa án trọng tài quốc tế ad hoc được thành lập theo Qui tắc Trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại (UNCITRAL). Các bên tranh chấp có thể đồng ý bằng văn bản để sửa đổi Qui tắc này. Phán quyết của trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên tranh chấp.

ĐIỀU 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

(1) Những tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết thông qua tư vấn hoặc thương lượng.

(2) Nếu vụ tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng, thì theo yêu cầu của một trong các Bên ký kết vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án Trọng tài theo qui định của Điều này.

(3) Tòa án Trọng tài sẽ được thành lập tùy theo từng trường hợp cụ thể theo cách dưới đây. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Tòa án. Hai thành viên này sẽ chọn công dân của một nước thứ ba mà được hai Bên ký kết chấp thuận bầu làm Chủ tịch Tòa án trọng tài (sau đây gọi là "Chủ tịch"). Chủ tịch sẽ được bầu trong vòng ba tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

(4) Nếu trong thời hạn nêu tại phần 3 của Điều này mà sự chỉ định cần thiết không thực hiện được, thì có thể đề nghị Chủ tịch Tòa án Quốc tế tiến hành việc chỉ định. Nhưng nếu Chủ tịch là công dân của một trong các Bên ký kết, hoặc nếu vì cản trở nào khác mà không thực hiện được chức năng như đã nói ở trên, thì Phó Chủ tịch sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định. Nếu Phó Chủ tịch cũng là công dân của một trong các Bên ký kết hoặc vì cản trở nào khác mà không thực hiện được chức năng như đã nói ở trên thì thành viên có thâm niên cao tiếp theo của Tòa án Quốc tế, người mà không phải là công dân của một trong các Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định.

(5) Tòa án Trọng tài sẽ quyết định theo đa số phiếu. Quyết định này là bắt buộc. Mỗi Bên ký kết chịu chi phí cho trọng tài viên và người đại diện của mình trong quá trình tố tụng ; chi phí cho Chủ tịch và những chi phí khác hai Bên ký kết cùng chịu ngang nhau. Tòa án Trọng tài sẽ xác định thủ tục tố tụng riêng của mình.

ĐIỀU 10
ÁP DỤNG CÁC QUI ĐỊNH KHÁC VÀ NHỮNG CAM KẾT ĐẶC BIỆT

(1) Khi một vấn đề được qui định tại Hiệp định này và đồng thời được qui định tại hiệp định quốc tế khác mà các Bên ký kết đều là thành viên, thì sẽ không có qui định nào trong Hiệp định này cản trở mỗi Bên ký kết hoặc bất kỳ nhà đầu tư nào của Bên ký kết đó, người mà tiến hành đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia áp dụng những qui định thuận lợi hơn đối với trường hợp của họ.

(2) Nếu một Bên ký kết đối xử đối với nhà đầu tư của Bên ký kết kia theo pháp luật và qui định của mình hoặc theo những qui định đặc biệt khác trong hợp đồng mà thuận lợi hơn sự đối xử theo Hiệp định này thì những qui định thuận lợi hơn đó sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 11
ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH

Những qui định của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia kể từ sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 12
HIỆU LỰC THỜI HẠN VÀ HẾT HIỆU LỰC

(1) Các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục theo luật định để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo thứ hai được gửi đi.

(2) Hiệp định này sẽ có hiệu lực mười năm (10) và sẽ tiếp tục có hiệu lực từng 10 năm một, trừ khi một năm trước thời điểm hết hiệu lực giai đoạn đầu tiên hoặc bất kỳ giai đoạn nào sau đó mỗi Bên ký kết thông báo cho bên kia bằng văn bản về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

(3) Liên quan tới những đầu tư trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực, thì những qui định của Hiệp định này tiếp tục có hiệu lực thêm mười năm nữa kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định.

Để làm bằng, những người có tên dưới đây được sự ủy quyền hợp thức đã ký vào văn bản hiệp định.

Làm thành hai bản, tại Varsava ngày 31/8/ 1994 bằng tiếng Balan, tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau giữa các bản thì sẽ lấy bản tiếng Anh làm căn cứ chính .

THAY MẶT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT
CỘNG HÒA BALAN

UMOWA

MIĘDZY

SOCJALISTYCZNĄ REPUBLIKĄ WIETNAMU

A

RZECZĄPOSPOLITĄ POLSKĄ

w sprawie popierania i wzajemnej ochrony inwestycji

Socjalistyczna Republika Wietnamu i Rzeczpospolita Polska (zwane dalej "Umawiającymi się Stronami"),

dążąc do rozszerzenia współpracy gospodarczej z wzajemną korzyścią dla obu państw,

mając na celu stworzenie i utrzymanie korzystnych warunków do inwestowania przez inwestorów jednej Umawiającej się Strony na terytorium drugiej Umawiającej się Strony,

uznając, że popieranie i wzajemna ochrona inwestycji zgodnie z niniejszą Umową przyczyni się do ożywienia działalności gospodarczej w tej dziedzinie,

uzgodniły co następuje:

Artykuł 1

Definicje

W rozumieniu niniejszej Umowy:

1) pojęcie "inwestycje" oznacza wszelkie mienie zainwestowane w ramach działalności gospodarczej przez inwestora jednej Umawiającej się Strony na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, zgodnie z ustawodawstwem i przepisami drugiej Umawiającej się Strony i obejmuje w szczególności, ale nie wyłącznie:

a) własność ruchomości i nieruchomości, jak również wszelkie inne prawa majątkowe takie jak służebność, hipoteka, kupieckie prawo zatrzymania, zastaw;

b) akcje, udziały i wierzytelności spółek lub wszelkie inne rodzaje udziałów w spółkach;

c) roszczenia pieniężne lub roszczenia do innych świadczeń, mających wartość ekonomiczną;

d) prawa własności intelektualnej, w tym prawa autorskie, znaki handlowe, patenty, wzory przemysłowe, technologia produkcji, tajemnice handlowe, nazwy handlowe i goodwill, związane z inwestycją;

e) prawa przyznane z mocy prawa lub umowy i licencje oraz zezwolenia, w tym koncesje, na poszukiwanie, wydobywanie, uprawę lub eksploatację zasobów naturalnych.

Zmiana formy, w jakiej mienie zostało zainwestowane nie zmienia jej charakteru jako inwestycji.

2) pojęcie "inwestor" oznacza osobę fizyczną lub prawną, która inwestuje na terytorium drugiej Umawiającej się Strony;

a) określenie "osoba fizyczna" oznacza osobę fizyczną posiadającą obywatelstwo danej Umawiającej się Strony;

b) określenie "osoba prawna" oznacza, w odniesieniu do każdej Umawiającej się Strony, każdą jednostkę utworzoną lub zorganizowaną i uznaną jako osobę prawną zgodnie z jej ustawodawstwem;

3) określenie "przychody" oznacza kwoty uzyskane z inwestycji, a w szczególności, choć nie wyłącznie, obejmuje zyski, odsetki, dochody z kapitału, dywidendy, należności licencyjne i honoraria.

Artykuł 2

Popieranie i dopuszczanie inwestycji

1. Każda z Umawiających się Stron będzie popierać i stwarzać korzystne warunki na swoim terytorium dla inwestycji inwestorów drugiej Umawiającej się Strony i będzie dopuszczać takie inwestycje zgodnie ze swoim ustawodawstwem i przepisami.

2. Inwestycjom dokonywanym przez inwestorów każdej z Umawiających się Stron będzie przyznane uczciwe i sprawiedliwe traktowanie oraz pełna ochrona i bezpieczeństwo na terytorium drugiej Umawiającej się Strony.

Artykuł 3

Klauzula najwyższego uprzywilejowania

1. Umawiająca się strona przyzna na swoim terytorium inwestycjom i przychodom inwestorów drugiej Umawiającej się Strony uczciwe i sprawiedliwe traktowanie i nie mniej korzystne, niż traktowanie jakie przyzna ona inwestycjom i przychodom inwestorów jakiegokolwiek państwa trzeciego.

2. Każda Umawiająca się Strona przyzna na swoim terytorium inwestorom drugiej Umawiającej się Strony, w odniesieniu do zarządzania, utrzymania, użytkowania, czerpania korzyści lub dysponowania inwestycjami, uczciwe i sprawiedliwe, i nie mniej korzystne niż traktowanie, jakie przyzna ona inwestorom jakiegokolwiek państwa trzeciego.

3. Postanowienia ustępów 1 i 2 tego artykułu nie mogą być rozumiane jako zobowiązujące jedną Umawiającą się Stronę do przyznania inwestorom drugiej Umawiającej się Strony korzyści dotyczących traktowania, preferencji lub przywilejów wynikających z:

a) jakiejkolwiek unii celnej lub strefy wolnego handlu albo unii monetarnej lub podobnych umów międzynarodowych prowadzących do takich unii lub instytucji albo innych form współpracy regionalnej, których jedna z Umawiających się Stron jest lub może zostać stroną;

b) jakiejkolwiek międzynarodowej umowy lub porozumienia dotyczącego w całości lub głównie spraw podatkowych.

Artykuł 4

Odszkodowanie za straty

1. Inwestorom jednej Umawiającej się Strony, których inwestycje na terytorium drugiej Umawiającej się Strony doznają uszczerbku z powodu wojny lub innego konfliktu zbrojnego, rewolucji, stanu wyjątkowego, rewolty, powstania lub buntu na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, będzie przyznane przez tę drugą Umawiającą się Stronę odnośnie odtworzenia, odszkodowania, kompensaty lub innego uregulowania traktowania nie mniej korzystne niż to, które druga Umawiająca się Strona przyzna inwestorom państwa trzeciego.

2. Bez uszczerbku dla postanowień ustępu 1 tego artykułu, inwestorom jednej Umawiającej się Strony, którzy na skutek opisanych w tym ustępie

wydarzeń poniosą stratę na terytorium drugiej Umawiającej się Strony wynikające z:

a) zarekwirowania ich majątku przez jej siły zbrojne lub władze;

b) zniszczenia ich majątku przez jej siły zbrojne lub władze, które nie było spowodowane akcją bojową ani nie było potrzebne ze względu na konieczność sytuacji,

będzie przyznane sprawiedliwe i stosowne odszkodowanie z tytułu strat poniesionych w wyniku zarekwirowania lub zniszczenia majątku. Uzyskane kwoty będą podlegały swobodnemu transferowi w wymienialnej walucie i bez zbędnej zwłoki.

Artykuł 5

Wywłaszczenie

1. Inwestycje dokonane przez inwestorów jednej Umawiającej się Strony nie będą podlegały nacjonalizacji, wywłaszczeniu ani nie będą poddane środkom wywołującym skutki równoznaczne nacjonalizacji lub wywłaszczeniu (zwane dalej "wywłaszczeniem") na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, chyba że nastąpi to w interesie publicznym. Wywłaszczenie może być dokonane zgodnie z właściwą procedurą prawną, na zasadzie niedyskryminacji oraz za niezwłocznym, właściwym i rzeczywistym odszkodowaniem. Odszkodowanie takie będzie odpowiadało wartości wywłaszczonej inwestycji bezpośrednio przed wywłaszczeniem lub gdy zagrożenie wywłaszczeniem stało się publicznie wiadome i będzie obejmować odsetki od daty wywłaszczenia, będzie ono wypłacone bez zwłoki, będzie efektywnie wykonalne oraz będzie podlegało wolnemu transferowi w walucie wymienialnej.

2. Inwestorowi będzie przysługiwało uprawnienie do niezwłocznego zbadania jego sprawy przez sądowy lub inny niezależny organ tej Umawiającej się Strony oraz ustalenia wartości inwestycji zgodnie z zasadami określonymi w tym artykule.

3. Postanowienia ustępu 1 tego artykułu mają również zastosowanie w przypadku gdy Umawiająca się Strona wywłaszczy mienie spółki utworzonej na jej terytorium zgodnie z jej prawem, i w której inwestorzy drugiej Umawiającej się Strony posiadają udziały.

Artykuł 6

Transfery

1. Umawiające się Strony gwarantują transfer płatności związanych z inwestycjami i przychodami. Transfery będą dokonywane w walucie wymienialnej bez ograniczeń i zbędnej zwłoki. Takie transfery będą obejmować w szczególności, ale nie wyłącznie:

a) kapitał i kwoty dodatkowe, niezbędne dla utrzymania lub rozszerzenia inwestycji;

b) zyski, odsetki, dywidendy i inny bieżący dochód;

c) kwoty na spłatę pożyczek;

d) należności licencyjne i honoraria;

e) kwoty ze sprzedaży lub likwidacji inwestycji;

f) wynagrodzenia osób fizycznych zatrudnionych zgodnie z ustawodawstwami i innymi przepisami Umawiającej się Strony, w której inwestycja została dokonana.

2. W rozumieniu niniejszej Umowy, jeżeli nie będzie innych uzgodnień, kursem wymiany będzie kurs obowiązujący dla bieżących transakcji w dniu dokonania transferu.

Artykuł 7

Subrogacja praw

1. Jeżeli jedna Umawiająca się Strona lub upoważniona przez nią agencja dokona płatności na rzecz własnego inwestora w ramach gwarancji udzielonej w związku z inwestycją dokonaną na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, wówczas druga Umawiająca się Strona uzna:

a) ważność każdego prawa lub roszczenia inwestora przez pierwszą Umawiającą się Stronę lub jej upoważnioną agencję, która dokonała płatności pod warunkiem, że do przejęcia praw doszło zgodnie z ustawodawstwem lub w wyniku czynności prawnych w tym państwie; oraz

b) że Umawiająca się Strona lub jej upoważniona agencja, która dokonała płatności jest uprawniona z tytułu subrogacji do wykonywania praw i dochodzenia roszczeń inwestora i przejęcia zobowiązań dotyczących inwestycji.

2. Przejęte prawa lub roszczenia nie mogą przewyższać pierwotnych praw lub roszczeń inwestora.

Artykuł 8

Rozstrzyganie sporów inwestycyjnych między Umawiającą się Stroną a inwestorem drugiej Umawiającej się Strony

1. Każdy spór, który może powstać między inwestorem jednej Umawiającej się Strony a drugą Umawiającą się Stroną związany z

inwestycjami dokonanymi na terytorium tej drugiej Umawiającej się Strony będzie rozstrzygany między stronami sporu w drodze negocjacji.

2. Jeżeli spór między inwestorem jednej Umawiającej się Strony a drugą Umawiającą się Stroną nie zostanie rozstrzygnięty w ciągu sześciu miesięcy to inwestor będzie miał prawo przedłożyć spór:

a) sądowi krajowemu w państwie, w którym została dokonana inwestycja;

b) Międzynarodowemu Ośrodkowi Rozstrzygania Sporów Inwestycyjnych (ICSID) zgodnie z postanowieniami Konwencji o Rozstrzyganiu Sporów Inwestycyjnych między Państwem a Inwestorem Państw Drugich, otwartej do podpisu w Waszyngtonie D.C. dnia 18 marca 1965 roku w przypadku gdy obie Umawiające się Strony staną się stronami tej Konwencji; lub

c) arbitrowi lub międzynarodowemu trybunałowi arbitrażowemu ad hoc utworzonemu zgodnie z Regulaminem Arbitrażowym Komisji Organizacji Narodów Zjednoczonych do Spraw Międzynarodowego Prawa Handlowego (UNCITRAL).
Strony sporu mogą w drodze pisemnej, wprowadzić zmiany w tym regulaminie. Wyrok arbitrażowy będzie ostateczny i wiążący obie strony sporu.

Artykuł 9

Rozstrzyganie sporów między Umawiającymi się Stronami

1. Spory między Umawiającymi się Stronami dotyczące interpretacji lub stosowania niniejszej Umowy będą rozstrzygane w miarę możliwości w drodze konsultacji lub negocjacji.

2. Jeżeli spór nie będzie rozstrzygnięty w ten sposób w ciągu sześciu miesięcy, wówczas zostanie on przedłożony na żądanie jednej z

Umawiających się Stron trybunałowi arbitrażowemu zgodnie z postanowieniami niniejszego artykułu.

3. Trybunał arbitrażowy będzie utworzony dla każdej sprawy oddzielnie w następujący sposób:
W ciągu dwóch miesięcy od żądania rozstrzygnięcia sprawy w drodze arbitrażowej każda Umawiająca się Strona wyznaczy jednego arbitra. Ci dwaj arbitrzy wybiorą obywatela trzeciego państwa, który po zatwierdzeniu przez obie Umawiające się Strony będzie mianowany przewodniczącym trybunału (zwany dalej "przewodniczącym"). Przewodniczący będzie mianowany w ciągu trzech miesięcy, licząc od dnia wyznaczenia dwóch arbitrów.

4. Jeżeli wymagane nominacje, nie zostaną dokonane w terminach, o których mowa w ustępie 3 tego artykułu, wówczas o ich dokonanie może być poproszony Przewodniczący Międzynarodowego Trybunału Sprawiedliwości. Jeżeli Przewodniczący jest obywatelem jednej z Umawiających się Stron lub jeżeli z innej przyczyny nie może spełnić prośby, o dokonanie nominacji będzie poproszony Wiceprzewodniczący Międzynarodowego Trybunału Sprawiedliwości. Jeżeli również Wiceprzewodniczący jest obywatelem jednej z Umawiających się Stron, lub jeżeli z innej przyczyny nie może spełnić prośby, wówczas o dokonanie wymaganych nominacji będzie poproszony najstarszy rangą sędzia Międzynarodowego Trybunału Sprawiedliwości, który nie jest obywatelem żadnej z Umawiających się Stron.

5. Trybunał arbitrażowy wydaje wyrok większością głosów. Taki wyrok jest wiążący. Każda Umawiająca się Strona pokrywa koszty swojego arbitra oraz koszty własnego udziału w postępowaniu arbitrażowym; koszty przewodniczącego oraz inne koszty pokrywają Umawiające się Strony w równych częściach. Trybunał arbitrażowy ustala własny regulamin postępowania arbitrażowego.

Artykuł 10

Stosowanie innych norm i zobowiązań szczególnych

1. Jeżeli jakaś sprawa jest uregulowana zarówno w niniejszej Umowie, jak i w innej umowie międzynarodowej, której stronami są Umawiające się Strony, żadne postanowienie niniejszej Umowy nie będzie stanowiło przeszkody, aby Umawiająca się Strona lub jej inwestor dokonujący inwestycji na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, korzystały z postanowień bardziej korzystnych.

2. Jeżeli traktowanie przyznane inwestorowi jednej Umawiającej się Strony przez drugą Umawiającą się Stronę, zgodnie z jej ustawodawstwem jest bardziej korzystne od traktowania uregulowanego niniejszą Umową, wówczas będzie miało zastosowanie traktowanie bardziej korzystne.

Artykuł 11

Zakres stosowania Umowy

Postanowienia niniejszej Umowy będą miały zastosowanie do inwestycji, które będą dokonane przez inwestorów jednej Umawiającej się Strony, na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, po jej wejściu w życie.

Artykuł 12

Wejście w życie, okres ważności - wypowiedzenie

1. Każda Umawiająca się Strona poinformuje pisemnie drugą Umawiającą się Stronę w drodze dyplomatycznej o spełnieniu jej wymogów konstytucyjnych dla wejścia w życie niniejszej Umowy. Niniejsza Umowa wejdzie w życie z datą noty późniejszej.

2. Niniejsza Umowa pozostanie w mocy przez okres dziesięciu lat i będzie obowiązywać przez dalsze okresy, jeżeli jedna z Umawiających się Stron nie poinformuje drugą Umawiającą się Stronę w terminie jednego roku przed upływem pierwotnego lub kolejnego okresu o intencji wypowiedzenia Umowy.

3. W odniesieniu do inwestycji dokonanych przed wypowiedzeniem niniejszej Umowy, jej postanowienia pozostaną w mocy przez okres dziesięciu lat od daty wygaśnięcia jej ważności.

Na dowód czego niżej podpisani, należycie upoważnieni podpisali niniejszą Umowę.

Sporządzono w Warszawie dnia 31 sierpnia 1994 roku
w dwóch jednakowo brzmiących egzemplarzach, w językach wietnamskim, polskim i angielskim, przy czym wszystkie teksty mają jednakową moc.
W przypadku rozbieżności przy interpretacji, tekst angielski będzie rozstrzygający.

W imieniu
Socjalistycznej Republiki Wietnamu

W imieniu
Rzeczypospolitej Polskiej

AGREEMENT

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE REPUBLIC OF POLAND

FOR THE PROMOTION AND RECIPROCAL PROTECTION OF INVESTMENTS

The Socialist Republic of Vietnam and The Republic of Poland (hereinafter referred to as the "Contracting Parties"),

Desiring to intensify economic cooperation to the mutual benefit of both States,

Intending to create and maintain favourable conditions for investments of investors of one State in the territory of the other State, and

Conscious that the promotion and reciprocal protection of investments, according to the present Agreement, stimulates the business initiatives in this field,

Have agreed as follows:

Article 1

Definitions

For the purposes of this Agreement:

1. The term "investment" shall comprise every kind of asset invested in connection with economic activities by an investor of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter and shall include, in particular, though not exclusively:

/a/ movable and immovable property as well as any other property rights in rem such as mortgages, liens, pledges, and similar rights;

/b/ shares stocks and debentures of companies or any other form of participation in a company;

/c/ claims to money or to any performance having an economic value associated with an investment;

/d/ intellectual property rights, including copyrights, trade marks, patents, industrial designs, technical processes, know-how, trade secrets, trade names and goodwill associated with an investment;

/e/ any right, conferred by law or under contract and any licenses and permits pursuant to law, including the concessions to search for, extract, cultivate or exploit natural resources.

Any alteration of the form in which assets are invested shall not affect their character as investment.

2. The term "investor" shall mean any natural or legal person who invests in the territory of the other Contracting Party.

/a/ The term "natural person" shall mean any natural person having the nationality of either Contracting Party in accordance with its laws.
/b/ The term "legal person" shall mean with respect to either Contracting Party, any entity incorporated or constituted in accordance with and recognized as legal person by its laws.

3. The term "returns" shall mean amounts yielded by an investment and in particular, though not exclusively, includes profits, interest, capital gains, shares, dividends, royalties or fees.

Article 2

Promotion and Protection of Investments

1. Each Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for investors of the other Contracting Party to make investments in its territory and shall admit such investments, in accordance with its laws and regulations.

2. Investments of investors of either Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in the territory of the other Contracting Party.

Article 3

Most - Favoured - Nation Treatment

1. Each Contracting Party shall in its territory accord investment and returns of investors of the other Contracting Party treatment which is fair and equitable and not less favourable than that which it accords to investments and returns of investors of any third State.

2. Each Contracting Party shall in its territory accord to investors of the other Contracting Party, as regards management, maintenance, use,

enjoyment or disposal of their investment, treatment which is fair and equitable and not less favourable than that which it accords to investors of any third State.

3. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other the benefit of any treatment, preference or privilege which may be extended by the former Contracting Party by virtue of:

/a/ any customs union or free trade area or a monetary union or similar international agreements leading to such unions or institutions or other forms of regional cooperation to which either of the Contracting Party is or may become a Party;
/b/ any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation.

Article 4

Compensation for Losses

1. When investments by investors of either Contracting Party suffer losses owing to war, armed conflict, a state of national emergency, revolt, insurrection, riot or other similar events in the territory of the other Contracting Party, they shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification compensation or other settlement, not less favourable than that which the latter Contracting Party accords to investors of any third State.

2. Without prejudice to paragraph 1 of this Article, investors of one Contracting Party who in any of the events referred to in that paragraph suffer losses in the territory of the other Contracting Party resulting from:

/a/ requisitioning of their property by its forces or authorities;

/b/ destruction of their property by its forces or authorities which was not caused in combat action or was not required by the necessity of the situation shall be accorded just and adequate compensation for the losses

sustained during the period of the requisitioning or as a result of the destruction of the property. Resulting payments shall be freely transferable in freely convertible currency without undue delay.

Article 5

Expropriation

1. Investments of investors of either Contracting Party shall not be nationalised, expropriated or subjected to measures having effect equivalent to nationalisation or expropriation (hereinafter referred to as "expropriation") in the territory of the other Contracting Party except for a public purpose. The expropriation shall be carried out under due process of law, on a non - discriminatory basis and shall be accompanied by provisions for the payment of prompt, adequate and effective compensation. Such compensation shall amount to the market value of the investment expropriated immediately before expropriation or impending expropriation became public knowledge, shall include interest from the date of expropriation, shall be made without undue delay, be effectively realizable and be freely transferable in freely convertible currency.

2. The investor affected shall have a right, to prompt review, by a judicial or other independent authority of that Contracting Party, of his or its case and of the valuation of his or its investment in accordance with the principles set out in this Article.

3. The provision of paragraph 1 of this Article shall also apply where a Contracting Party expropriates the assets of a company which is incorporated or constituted under the law in force in any part of its own territory and in which investors of the other Contracting Party own shares.

Article 6

Transfers

1. The Contracting Parties shall guarantee the transfer of payments related to investments and returns. The transfers shall be made in a freely convertible currency, without any restriction and undue delay. Such transfers shall include in particular, though not exclusively:

/a/ capital and additional amounts to maintain or increase the investment;

/b/ profits, interest, dividends and other current income;

/c/ funds in repayment of loans;

/d/ royalties of fees;

/e/ proceeds of sale of liquidation of the investment;

/f/ the earnings of natural persons subject to the laws and regulations of the Contracting Party, in which investments have been made.

2. For the purpose of this Agreement, exchange rates shall be the official rates effective for the current transactions at the date of transfer, unless otherwise agreed.

Article 7

Subrogation

1. If a Contracting Party or its designated agency makes payment to its own investors under a guarantee it has accorded in respect of an

investment in the territory of the other Contracting Party, the latter Contracting Party shall recognize:

/a/ the assignment, whether under the law or pursuant to a legal transaction in that country, of any right or claim by the investor to the former Contracting Party or its designated agency, as well as;

/b/ that the former Contracting Party or its designated agency is entitled by virtue of subrogation to exercise the rights and enforce the claims of that investor and shall assume the obligations related to the investment.

2. The subrogated rights or claims shall not exceed the original rights or claims of the investor.

Article 8

Settlement of Investment Disputes between a Contracting Party and an Investor of the other Contracting Party

1. Any dispute which may arise between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party in connection with an investment on the territory of that other Contracting Party shall be subject to negotiations between the parties in dispute.

2. If any dispute between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party can not be thus settled within a period of six months, the investor shall be intitled to submit the case either to:

/a/ the domestic court of the country in which the investment is made;

/b/ the International Centre for Settlement of Investment Disputes (ICSID) having regard to the applicable provisions of the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States opened for signature at Washington D.C. on the 18 March 1965, in the event both Contracting Parties shall have become a party to this Convention; or

/c/ an arbitrator or international ad hoc arbitral tribunal established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL). The parties to the dispute may agree in writing to modify these Rules. The arbitral awards shall be final and binding on both Parties to the dispute.

Article 9

Settlement of Disputes between the Contracting Parties

1. Dispute between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of this Agreement shall, if possible, be settled through consultation or negotiation.

2. If the dispute cannot be thus settled within six months, it shall upon the request of either Contacting Party, be submitted to an Arbitral Tribunal in accordance with the provisions of this Article.

3. The Arbitral Tribunal shall be constituted for each individual case in the following way. Within two months of the receipt of the request for arbitration each Contracting Party shall appoint one member of the Tribunal. These two members shall then select a national of a third State who on approval of the two Contracting Parties shall be appointed Chairman of the Tribunal (hereinafter referred to as the "Chairman"). The Chairman shall be appointed within three months from the date of appointment of the other two members.

4. If within the periods specified in paragraph 3 of this Article the necessary appointments have not been made, a request may be made to the President of the International Court of Justice to make the appointments. If he happens to be a national of either Contracting Party, or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice - President shall be invited to make the appointments. If the Vice - President also happens to be a national of either Contracting Party or is prevented from discharging the said function, the member of the

International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the appointments.

5. The Arbitral Tribunal shall reach its decision by a majority of votes. Such decision shall be binding. Each Contracting Party shall bear the cost of its own arbitrator and its representation in the arbitral proceedings; the cost of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by both Contracting Parties. The Arbitral Tribunal shall determine its own procedure.

Article 10

Application of Other Rules and Special Commitments

1. Where a matter is governed simultaneously both by this Agreement and by another international agreement to which both Contracting Parties are parties, nothing in this Agreement shall prevent either Contracting Party or any of its investors who own investments in the territory of the other Contracting Party from taking advantage of whichever rules are more favourable to his case.

2. If the treatment to be accorded by one Contracting Party to investors of the other Contracting Party in accordance with its laws and regulations or other specific provisions of contracts is more favourable than that accorded by the Agreement, the more favourable shall be accorded.

Article 11

Applicability of this Agreement

The provisions of this Agreement shall apply to investments made by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party after its entry into force.

Article 12

Entry into Force, Duration and Termination

1. The Contracting Parties shall notify each other that their constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been complied with. This Agreement shall enter into force on the date of the second notification.

2. This Agreement shall remain in force for a period of ten years and shall continue in force thereafter unless, one year before the expiry of the initial or any subsequent periods, either Contracting Party notifies the other in writing of its intention to terminate the Agreement.

3. In respect of investments made prior to the termination of this Agreement, the provisions of this Agreement shall continue to be effective for a period of ten years from the date of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned duly authorized have signed this Agreement.

DONE IN duplicate at Warsaw... this ..31th.... day of..August of 1994, in the Vietnamese, Polish and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

For
the Socialist Republic of Vietnam

For
the Republic of Poland